TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1775/2021/QĐST - HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 12 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1090/2021/TLST- HNGĐ ngày 08/07/2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Trần Minh H, sinh năm: 1988

Địa chỉ thường trú: Ấp , phường , huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: đường , khu phố , phường , Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Và bà Trần Thị Lan H, sinh năm: 1982

Địa chỉ thường trú: khu phố , huyện Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Địa chỉ: đường , khu phố , phường , Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/10/2021;

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh H và bà Trần Thị Lan H thuận tình ly hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số số 65, quyển số 01/2011 do Uỷ ban nhân dân xã Gia Canh, Huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/04/2011

+ Về con chung: Ông Trần Minh H và bà Trần Thị Lan H cùng xác định có 03 con chung tên Trần Tố Nh (Nữ), sinh ngày: 05/03/2009; Trần Tố Q (Nữ), sinh ngày: 05/03/2009; Trần Minh H (Nam), sinh ngày: 03/03/2017. Cả hai thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Trần Tố Nh cho Trần Minh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục; giao con tên Trần Tố Q; Trần Minh H cho bà Trần Thị Lan H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Hai bên thỏa thuận thống nhất không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự tự xác định không có

+ Về lệ phí Tòa án: Các đương sự nộp theo quy định pháp luật.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/10/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh H và bà Trần Thị Lan H

1.2. Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Tố Nh (Nữ), sinh ngày: 05/03/2009; Trần Tố Q (Nữ), sinh ngày: 05/03/2009; Trần Minh H (Nam), sinh ngày: 03/03/2017. Ông Trần Minh H và bà Trần Thị Lan H thống nhất thỏa thuận như sau:

- Giao con chung tên Trần Tố Nh (Nữ), sinh ngày: 05/03/2009 cho ông Trần Minh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Giao con chung Trần Tố Q (Nữ), sinh ngày: 05/03/2009; Trần Minh H (Nam), sinh ngày: 03/03/2017 cho bà Trần Thị Lan H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

1.4. Về tài sản chung: Các bên đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về nợ chung: Các bên đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí: 300.000 đồng ông Trần Minh H và bà Trần Thị Lan H có nghĩa vụ nộp, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0059308 ngày 08/07/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phốThủ Đức. Ông Trần Minh H và bà Trần Thị Lan H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Thủ Đức
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Kim Trang